

**TÒA ÁN N DÂN
KHU VỰC 8 – ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2026/DS-ST
Ngày: 20-01-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN N DÂN KHU VỰC 8 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phần.

Các Hội thẩm N dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nhàn.

2. Bà Cao Thị Diệu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Bích Vân – Thư ký Tòa án N dân khu vực 8 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát N dân khu vực 8 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Cao Hoàng Sang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án N dân khu vực 8 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 397/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2025, về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2025/QĐST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: Số 266 – 268, phường X, TP. H (địa chỉ cũ: Số 266 – 268, phường L, Quận X, TP. H).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Tiến D – Chức vụ: Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Thành N – N viên công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

- Bị đơn: Chị Trần Thị D1, sinh ngày 28/3/1991. 1

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đ (Nay là: ấp A, xã O, tỉnh Đ).

Tại phiên tòa anh Nguyễn Thành N có đơn xin vắng mặt; chị Trần Thị D vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S do anh Nguyễn Thành N là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền trình bày:

Ngày 21/02/2019 chị D1 có ký với Ngân hàng TMCP S(gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 20,000,000 VNĐ, số thẻ: 356480 – 2955, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2,6%/ tháng (lãi suất trong hạn). Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, chị D1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 163,699,000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay chị D1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 167,070,501 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm).

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng chị D1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do chị D1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/09/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 22,393,393 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại). Sau khi chuyển nợ quá hạn chị D1 có thanh toán cho ngân hàng số tiền 12,400,000 đồng (chi tiết theo sao kê tóm tắt) số tiền này sẽ được ưu tiên trừ vào nợ gốc 22,393,393 đồng. Tính đến ngày 15/09/2023, chị D1 còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 9,993,393 đồng; Lãi quá hạn: 12,761,573 đồng; Tổng cộng là 22,754,966 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu chị Trần Thị D1 trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay là 9.993.393 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 15/9/2023 là 12.761.573 đồng, tổng cộng vốn, lãi phải thanh toán là 22.754.966 đồng và yêu cầu trả tiếp tục lãi phát sinh kể từ ngày 16/9/2023 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đã ký.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác trong vụ án này.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn chị Trần Thị D1:

Từ khi thụ lý vụ án đến nay Tòa án đã tổng đạt hợp lệ (niêm yết công khai) các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị D1 không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không đến Tòa án để làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi HĐXX nghị án, đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chị Trần Thị D1 không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án là

chưa thực hiện đúng theo nghĩa vụ quy định tại khoản 16 Điều 70 BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, buộc chị Trần Thị D1 trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay là 9.993.393 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 15/9/2023 là 12.761.573 đồng, tổng cộng vốn lãi phải thanh toán là 22.754.966 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 16/9/2023 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đã ký. Về án phí đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn kiện yêu cầu bị đơn trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng, nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn chị Trần Thị D1 có địa chỉ đăng ký thường trú tại: Ấp A, xã B, huyện C (nay là ấp A, xã O) tỉnh Đ, do đó Tòa án nhân dân khu vực 8 – Đồng Tháp thụ lý và giải quyết theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, anh Nguyễn Thành N là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; bị đơn chị Trần Thị D1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do, cũng không có người đại diện tham gia tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về trình tự thủ tục và nội dung xác lập hợp đồng tín dụng: Xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 21/02/2019 (số thẻ: 356480 – 2955) được ký kết giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP Svà bên vay là chị Trần Thị D1, hợp đồng được lập thành văn bản, mục đích và nội dung các thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 118 và Điều 119 của Bộ luật Dân sự. Vì vậy, hợp đồng tín dụng có hiệu lực làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên kể từ thời điểm ký kết.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng: Chị D1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng, từ khi nhận thẻ, kích hoạt thẻ sử dụng thẻ, chị D1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 163,699,000 đồng. Tính đến ngày 15/09/2023, chị D1 còn nợ Ngân hàng số tiền là 22,754,966 đồng, trong đó nợ gốc là 9,993,393 đồng; Lãi quá hạn là 12,761,573 đồng. Về phía chị D1, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho chị D1 bằng hình thức niêm yết công khai các văn bản tố tụng và giấy triệu tập theo quy định của pháp luật nhưng chị D1 vẫn không đến Tòa án theo giấy triệu tập và cũng không có văn bản trình bày ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều

91 BLTTDS thì xem như chị D1 đã từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Từ những phân tích trên, xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP Syêu cầu chị Trần Thị D1 trả số tiền nợ gốc là 9,993,393 đồng; Lãi quá hạn là 12,761,573 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 16/9/2023 cho đến khi chị D1 trả dứt nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã ký ngày 21/02/2019 là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên ghi nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên chị Trần Thị D1 phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 22.754.966 đồng x 5% = 1.137.748. đồng (lấy tròn 1.138.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 70, 92, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 117, 119, 280 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc chị Trần Thị D1 trả cho Ngân hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ gốc là 9,993,393 đồng; Lãi quá hạn là 12,761,573 đồng. Tổng cộng số tiền vốn, lãi là **22.754.966 đồng** (Hai mươi hai triệu bảy trăm năm mươi bốn ngàn chín trăm sáu mươi sáu đồng) và tiếp tục trả lãi kể từ ngày **16/9/2023** theo nội dung giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã ký ngày **21/02/2019** cho đến khi chị D1 trả xong nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Trần Thị D1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là **1.138.000 đồng** (Một triệu một trăm ba mươi tám ngàn đồng).

- Ngân hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí **568.874 đồng** đã nộp theo biên lai thu số 0011766, ngày 01/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Bình Tân (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 -Thành phố Hồ Chí Minh).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Tháp;
- Đương sự;
- Viện kiểm sát khu vực 8 – Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phấn

